

Số: /TB-CCTTBVTV

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phía Bắc;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY**  
(Từ 14/5/2026 đến ngày 20/5/2026)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

- Nhiệt độ: Trung bình 26<sup>0</sup>C; cao 32<sup>0</sup>C; thấp 20<sup>0</sup>C.
- Nhận xét: Trong kỳ có nắng, xem kẽ mưa dông trên diện rộng.

**2. Cây trồng**

Cây trồng chính	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
<b>1. Cây hàng năm</b>		
- Cây lúa xuân	Trà trung: Chín – thu hoạch Trà muộn: Ôm đòng - trổ bông, phơi màu	37.300 ha
- Ngô	Tạo hạt – ngậm sữa	14.500 ha
- Thuốc lá	Thu hoạch	1.344,5 ha
- Rau	Trồng - PT thân lá, thu hoạch	6.537 ha
Trong đó bí xanh thơm	Phát triển quả - thu hoạch	118 ha
<b>2. Cây lâu năm</b>		
- Cây chè	Phát triển búp-thu hái búp-đón	22.177 ha
- Cây ăn quả		
+ Nhãn	Phát triển quả	1.776 ha
+ Na	Quả nhỏ	1.052 ha
+ Hồng không hạt	Phát triển quả	998 ha
+ Bưởi	Phát triển quả	2.162 ha
+ Cam	Phát triển quả	1.050 ha
+ Quýt	Phát triển quả	1.623 ha

## II. TÌNH HÌNH DỊCH HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY

**1. Cây lúa:** Trà trung giai đoạn thu hoạch sâu bệnh hại giảm, các đối tượng sâu bệnh hại chủ yếu trên trà muộn, cụ thể:

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Mật độ phổ biến 200-300 con/m<sup>2</sup>, cao 800 con/m<sup>2</sup>, cục bộ 1.500 con/m<sup>2</sup>; phổ biến tuổi 2-4. Diện tích nhiễm 47,5 ha tại các xã phường La Hiên, Tràng Xá, Võ Nhai, Dân Tiến, Chợ Mới, Phú Bình, Đại Từ, Phú Lạc, An Khánh, La Bằng, Tân Cương, Na Rì, Bằng Thành, Nghiên Loan, Đồng Phúc, Ba Bể, Chợ Rã, Bắc Kạn, Đức Xuân, Bạch Thông, Phủ Thông. Diện tích phòng trừ 50 ha.

- Bệnh khô vằn: Tỷ lệ bệnh phổ biến 4-5% danh, cao 15% danh, cục bộ 30% danh, cấp bệnh phổ biến cấp 1-3. Diện tích nhiễm 39 ha tại các xã phường: Phú Bình, Đại Từ, Phú Lạc, An Khánh, La Bằng, Tân Cương, Na Rì, Bằng Thành, Nghiên Loan, Đồng Phúc, Ba Bể, Chợ Rã, Bắc Kạn, Đức Xuân, Bạch Thông, Phủ Thông. Diện tích phòng trừ 30 ha.

- Chuột: Tỷ lệ hại phổ biến 1-2% danh, cao 5% danh; diện tích nhiễm 6 ha tại các xã phường: Gia Sàng, Diềm Thụy, Tân Khánh, Phú Bình.

- Bệnh bạc lá: Tỷ lệ bệnh phổ biến 1-2% lá, cao 5% lá, cục bộ 10% lá; diện tích nhiễm 3 ha tại các xã phường Ba Bể, Bạch Thông, Phong Quang, Đức Xuân. Diện tích phòng trừ 3 ha.

- Bệnh đạo ôn lá: Tỷ lệ bệnh phổ biến 1-2% lá, cao 5% lá, cục bộ 10% lá, diện tích nhiễm 1,5 ha tại các xã Chợ Rã, Phủ Thông, Cẩm Giàng, Phong Quang, phường Bắc Kạn ... Diện tích phòng trừ 1,5 ha.

- Sâu đục thân: Tỷ lệ hại phổ biến 1% bông bạc, cao 5% bông bạc; diện tích nhiễm 5 ha tại các xã phường Gia Sàng, Diềm Thụy, Tân Khánh, Phú Bình. Đại Từ, Phú Lạc, La Bằng, Tân Cương, Na Rì.

- Sâu cuốn lá nhỏ, sâu non tuổi 3-4, gây hại rải rác, mật độ thấp, chưa đến ngưỡng nhiễm.

### 2. Cây ngô

- Sâu đục bắp: Tỷ lệ hại phổ biến 1-2% bắp, cao 5% bắp, cá biệt 10% bắp; tuổi sâu phổ biến tuổi 3-4. Diện tích nhiễm 8 ha tại các xã Trung Thành, Sông Công, Thành Công, Phúc Thuận.

- Sâu cắn lá: Mật độ phổ biến 1 con/m<sup>2</sup>, cục bộ 3 con/m<sup>2</sup>, diện tích nhiễm 5 ha tại La Hiên, Tràng Xá, Võ Nhai, Dân Tiến, Chợ Mới.

- Rệp, bệnh đốm lá nhỏ, bệnh khô vằn: Hại cục bộ, tỷ lệ hại phổ biến thấp, chưa đến ngưỡng nhiễm.

### 3. Cây chè

- Rầy xanh: Tỷ lệ hại phổ biến 3% búp, cao 5% búp, cục bộ 15% búp. Diện tích nhiễm 367 ha, tại các xã: Quân Chu, Đồng Hỷ, Văn Hán, Văn Lăng, Võ Nhai,

Đại Từ, Vạn Phú, Phú Lương, Bá Xuyên, Đại Phúc, La Bằng, Phú Xuyên, Tân Cương, Vô Tranh, Bình Thành, Phú Đình. Diện tích phòng trừ 372 ha.

- Bọ cánh tơ: Tỷ lệ hại phổ biến 3% búp, cao 10% búp, cục bộ 20% búp. Diện tích nhiễm 356 ha, tại các xã: Quân Chu, Đồng Hỷ, Văn Hán, Văn Lăng, Võ Nhai, Đại Từ, Vạn Phú, Phú Lương, Bá Xuyên, Đại Phúc, La Bằng, Phú Xuyên, Tân Cương, Vô Tranh, Bình Thành, Phú Đình. Diện tích phòng trừ 371 ha.

- Bọ xít muỗi: Tỷ lệ hại phổ biến 1,5% búp, cao 5% búp. Diện tích nhiễm 65 ha, tại các xã: Quân Chu, Đồng Hỷ, Văn Hán, Văn Lăng, Võ Nhai, Đại Từ, Vạn Phú, Phú Lương, Bá Xuyên, Đại Phúc, La Bằng, Phú Xuyên, Tân Cương, Vô Tranh, Bình Thành, Phú Đình. Diện tích phòng trừ 63 ha.

#### **4. Cây na**

- Rệp: Tỷ lệ hại phổ biến 1,25% chồi, cao 12,5% chồi. Diện tích nhiễm 12 ha, tại các xã La Hiên, Võ Nhai, Tràng Xá, Quang Sơn. Diện tích phòng trừ 10 ha.

- Bọ trĩ: Tỷ lệ hại phổ biến 1,25% chồi, cao 12,5% chồi, cá biệt 25% chồi. diện tích nhiễm 15 ha, tại các xã La Hiên, Võ Nhai, Tràng Xá, Quang Sơn. Diện tích phòng trừ 15 ha.

- Nhện đỏ: Tỷ lệ hại phổ biến 1,25% chồi, cao 12,5% chồi. diện tích nhiễm 6 ha, tại các xã La Hiên, Võ Nhai, Tràng Xá, Quang Sơn. Diện tích phòng trừ 6 ha.

**5. Cây bưởi, cam, quýt:** Rệp, nhện đỏ gây hại rải rác; tỷ lệ hại thấp, chưa đến mức nhiễm.

**6. Cây nhãn, vải:** Bọ xít nâu, nhện lông nhung... hại nhẹ, rải rác, mật độ, tỷ lệ hại thấp, chưa đến mức nhiễm.

### **III. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

#### **1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới**

##### **1.1. Cây lúa**

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Tiếp tục gây hại mức độ gây hại từ hại nhẹ - trung bình.  
- Bệnh khô vằn: Tiếp tục phát triển và gây hại, hại nặng trên những diện tích cấy dày, bón thừa đạm.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Có khả năng phát sinh trên trà muộn, những diện tích đã bị bệnh đạo ôn lá.

- Chuột: Gây hại trên cả hai trà lúa, cục bộ những diện tích ruộng bị cạn, gần khu dân cư.

- Sâu đục thân, sâu cuốn lá hại cục bộ, mật độ, tỷ lệ hại thấp.

**1.2. Cây ngô:** Sâu đục thân, sâu cắn lá, rệp, bệnh đốm lá nhỏ, bệnh khô vằn tiếp tục gây hại rải rác, mức độ gây hại từ nhẹ đến trung bình.

**1.3. Cây chè:** Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ... tiếp tục gây hại, mức độ gây hại từ nhẹ đến trung bình.

#### 1.4. Cây ăn quả

Na: Rệp, bọ trĩ, nhện đỏ ...: Tiếp tục gây hại trên cây na, mức độ gây hại nhẹ đến trung bình.

Bưởi, cam quýt: Nhện đỏ, rệp tiếp tục gây hại, mức độ gây hại nhẹ.

Nhãn, vải: Bọ xít nâu, nhện lông nhưng tiếp tục gây hại, mức độ gây hại nhẹ.

Hồng không hạt, nhãn vải: Bệnh thán thư phát sinh, gây hại.

#### 2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Đề nghị viên chức được phân công phụ trách địa bàn:

- Theo dõi diễn biến thời tiết, sinh trưởng phát triển, tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng; tăng cường điều tra mở rộng.

- Chủ động phối hợp với phòng chuyên môn của các địa phương tăng cường đôn đốc thực hiện phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng theo các văn bản hướng dẫn của Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Thái Nguyên, cụ thể: Số 386/CCTTBVTV-TTBVTV ngày 27/3/2026 về việc tăng cường phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng; số 528/CCTTBVTV-TTBVTV ngày 21/4/2026 về việc hướng dẫn phòng trừ sâu, bệnh hại cây chè; số 464/CCTTBVTV-TTBVTV ngày 10/4/2026 về việc hướng dẫn phòng trừ bệnh trên cây bí xanh thơm, số 554/CCTTBVTV-TTBVTV ngày 24/4/2026 về việc chủ động phòng, trừ sinh vật gây hại cây lúa vụ Xuân năm 2026, số 641/CCTTBVTV-TTBVTV ngày 13/5/2026 Phòng trừ rầy nâu, rầy lưng trắng gây hại cây lúa cuối vụ Xuân 2026.

Đồng thời hướng dẫn, khuyến cáo nông dân tranh thủ thời tiết thuận lợi khẩn trương thu hoạch diện tích cây trồng vụ xuân đã đến kỳ thu hoạch để tránh thiệt hại do mưa giông. Tiếp tục chăm sóc những diện tích còn lại đúng quy trình canh tác, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng khỏe, tăng khả năng chống chịu sâu bệnh. Thường xuyên thăm đồng đánh giá tình hình, nguy cơ sâu bệnh gây hại để chủ động phòng trừ kịp thời, không để sâu bệnh hại trên diện rộng, sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc “4 đúng”.

#### *Nơi nhận:*

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Phòng TT&BVTV;
- Lưu: VT, KDTVND, hanght.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Hoàng Thanh Bình**

ĐƠN VỊ: TỈNH THÁI NGUYÊN

**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**

(Từ 14/5/2026 đến ngày 20/5/2026)

Cây trồng và GDST	Tên SVGH	Mật độ/tỷ lệ (con/m <sup>2</sup> , % lá, % dảnh, % cỏ bông, % cây,% búp ...)			Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng (ha)	Số kỳ trước (ha)	Số với cùng kỳ NT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây lúa ( Trà muện ôm đòng - trở bông, phơi màu)	Rầy nâu, rầy lưng trắng	200-300 con/m <sup>2</sup>	800 con/m <sup>2</sup>	1.500 con/m <sup>2</sup>	42	5,5		47,5		-33,3	-168,5	50	La Hiên, Tràng Xá,, Võ Nhai, Dân Tiến, Chợ Mới, Phú Bình. Đại Từ, Phú Lạc, An Khánh, La Bằng,Tân Cương, Na Rì, Bằng Thành, Nghiên Loan, Đồng Phúc, Ba Bể, Chợ Rã, Bắc Kạn, Đức Xuân, Bạch Thông, Phú Thông
	B khô vằn	4-5% dảnh bh	15% dảnh bh	30% dảnh bh	32	7		39		-	-353	30	Phú Bình, Đại Từ, Phú Lạc, An Khánh, La Bằng, Tân Cương, Na Rì, Bằng Thành, Nghiên Loan, Đồng Phúc, Ba BỂ, Chợ Rã, Bắc Kạn, Đức Xuân, Bạch Thông, Phú Thông
	Chuột	1-2% dảnh bh	5 % dảnh bh		6			6		-5	-234		Gia Sàng, Diêm Thụy, Tân Khánh, Phú Bình.
	B bạc lá	1-2% lá bh	5% lá bh	10% lá bh	3			3		-2	+3	3	Ba BỂ, Bạch Thông, Phong Quang, Đức Xuân
	B đạo ôn lá	1-2% lá bh	5% lá bh	10% lá bh	1,5			1,5		-9,3	+1,5	1,5	
	Sâu đục thân	1% bông bạc	5% bông bạc		5			5		-4	0		Gia Sàng, Diêm Thụy, Tân Khánh, Phú Bình. Đại Từ, Phú Lạc, La Bằng, Tân Cương, Na Rì
Cây ngô: Tạo hạt - ngâm sữa	Sâu đục bắp	1-2% bắp bh	5 % bắp bh	10 % bắp bh	8			8		+8	+8		La Hiên, Tràng Xá,, Võ Nhai, Dân Tiến, Chợ Mới, Phong Quang, Bạch Thông, Phú Thông, phường Bắc Kạn
	Sâu cắn lá	1 con/m <sup>2</sup>		3 con/m <sup>2</sup>	5			5		+5	+5		Trung Thành, Sông Công, Thành Công, Phúc Thuận

<b>Cây chè:</b> Phát triển búp	Rây xanh	3% búp bh	5% búp bh	15% búp bh	357	10		367		+4	-558	370	Quân Chu, Đồng Hỷ, Văn Hán, Văn Lăng, Võ Nhai, Đại Từ, Vạn Phú, Phú Lương, Bá Xuyên, Đại Phúc, La Bằng, Phú Xuyên, Tân Cương, Vô Tranh, Bình Thành, Phú Đình ...
	Bộ cánh tơ	3% búp bh	10% búp bh	20% búp bh	316	40		356		-31	-429	335	
	Bộ xít muối	1 % búp bh	5% búp bh		65			65		-2	-420	63	
<b>Cây Na:</b> Quả nhỏ	Rệp	1,25 % chồi/lá bn	12,5 % chồi/lá bh		10	2		12		0	+12	10	La Hiên, Võ Nhai, Tràng Xá, Quang Sơn
	Bọ trĩ	1,25 % chồi/lá bh	12,5 % chồi/lá bh	25% chồi/lá bh	10	3	2	15		+5	+15	15	
	Nhện đỏ	1,25 % chồi/lá bh	12,5 % chồi/lá bh		5	1		6		+1	+6	6	